

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05/4/2023

Về việc: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Lan.
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Thanh Nhiên
Bà Ngô Thị Như Hoa
- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Bùi Thái Bình
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Hoà – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 311/2022/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022, về việc: Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim N** – Sinh năm 1988
Địa chỉ: Xóm D, xã M, thành phố H, tỉnh Hòa Bình
- Bị đơn: Anh **Nguyễn Duy L** - Sinh năm 1987
Địa chỉ: Xóm D, xã M, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.
(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Duy L đã tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mông Hoá, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình vào ngày 12/12/2012. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn về mọi vấn đề về tiền bạc, tài chính, tình cảm... do vợ chồng không hợp nhau về suy nghĩ, lối sống. Mặc dù đã nhiều lần cố gắng hòa giải hai bên, nhưng vợ chồng anh L và chị N vẫn không thể chung sống hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Nay bản thân chị N cảm thấy tình cảm vợ chồng đã hết, không còn muốn tiếp tục cuộc hôn nhân không có hạnh phúc như thế này nữa, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn anh

Nguyễn Duy L.

- Về con chung: chị N và anh L có 02 con chung là Nguyễn Duy A, sinh ngày 27/9/2013 và Nguyễn Duy Nam, sinh ngày 06/12/2019. Chị N yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Duy A, anh L nuôi cháu Nguyễn Duy N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị Kim N tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi thụ lý đơn của chị Nguyễn Thị Kim N, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, tiến hành báo gọi triệu tập đương sự, tiến hành hoà giải nhưng hoà giải không thành. Trong bản tự khai và tại phiên hoà giải, anh Nguyễn Duy L có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh L và chị Nguyễn Thị Kim N đã tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mông Hoá, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình vào ngày 12/12/2012. Anh L nhất trí với những thông tin mà chị N đã cung cấp về việc kết hôn và tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh chị. Nhưng anh L thấy mâu thuẫn vợ chồng là bình thường, chưa đến mức độ phải ly hôn. Anh Nguyễn Duy L cho rằng tình cảm vợ chồng từ phía anh L vẫn còn rất nhiều, anh vẫn yêu vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh L và chị Nguyễn Thị Kim N có 02 con chung là Nguyễn Duy A, sinh ngày 27/9/2013 và Nguyễn Duy N, sinh ngày 06/12/2019. Nếu phải ly hôn thì anh cũng đồng ý với ý kiến của chị N là anh L sẽ nuôi cháu Nguyễn Duy N và chị N nuôi cháu Nguyễn Duy A, không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh L đồng ý để chị N chịu trách nhiệm nộp tiền án phí theo quy định.

Tòa án đã tiến hành điều tra xác minh tại địa phương.

Ông Nguyễn Văn Long cung cấp như sau: tôi là Nguyễn Văn Long, sinh năm 1959, tôi là bố đẻ của anh Nguyễn Duy L, đồng thời là bố chồng của chị Nguyễn Thị Kim N. Từ sau khi kết hôn, vợ chồng chị N và anh L chung sống với nhau tại nhà vợ chồng tôi tại xóm D, xã M, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Trong quá trình chung sống, vợ chồng N và L cũng nhiều lần mâu thuẫn, cãi vã, cũng có xô xát, lý do cũng vì L con trai tôi chơi bời, nợ nần, không chịu tu chí làm ăn. Tôi cũng đã nhiều lần phải trả nợ cho L con trai tôi. Hiện, Cháu L làm công an công tác tại Mai Châu, thường xuyên xa nhà. Việc N và L ly hôn hay không tôi không có ý kiến gì, tùy các con tự quyết định.

Bà Nguyễn Thị Kim Chung cung cấp như sau: tôi là Nguyễn Thị Kim Chung, sinh năm 1966, tôi là trưởng xóm D, xã M, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Anh Nguyễn Duy L là con trai ông Long, trú tại xóm D, xã M, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình do tôi quản lý. Anh L và vợ là chị N cụ thể mâu thuẫn như nào tôi không

rõ. Cũng thấy mọi người nói chuyện là anh L chơi bời và nợ nần rất nhiều, chị N và anh L đã nhiều lần xích mích cãi vã, có cả xô xát vợ chồng đánh nhau. Anh L làm công an Mai Châu nên ít khi có mặt ở nhà.

Anh Nguyễn Văn An – Hàng xóm cung cấp như sau: Tôi là Nguyễn Văn An, sinh năm 1987, trú tại xóm D, xã M, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Tôi là hàng xóm gần nhà anh Nguyễn Duy L và chị Nguyễn Thị Kim N. Chị N và anh L từ sau khi kết hôn chung sống với nhau tại nhà bố mẹ chồng ở xóm D, xã M, gần nhà tôi. Cụ thể vợ chồng chị N anh L mâu thuẫn như thế nào tôi không rõ. Tôi nghe nói anh L chơi bời nợ nần, vợ chồng đã nhiều lần cãi vã, xích mích, xô xát với nhau. Hai vợ chồng đều làm công an, anh L thì công tác ở huyện Mai Châu xa nhà suốt.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Sau khi đã điều tra xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Việc Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân căn cứ thực trạng hôn nhân giữa vợ chồng chị N và anh L đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh Nguyễn Duy L. Về con chung: Giao con Nguyễn Duy A, sinh ngày 27/9/2013 cho chị Nguyễn Thị Kim N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con Nguyễn Duy N, sinh ngày 06/12/2019 cho anh Nguyễn Duy L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Phí tổn nuôi con không đặt ra.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có, Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: căn cứ quy định Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chấp nhận chị N tự nguyện nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong Hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân gia đình, cụ thể là về việc ly hôn. Đồng thời, bị đơn anh Nguyễn Duy L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Xóm D, xã M, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1

Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành gửi các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi đã điều tra xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án :

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Duy L là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn. Chị N cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Vì anh L suốt quá trình chung sống từ sau khi kết hôn cho đến hiện tại không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm gì với vợ con, không chịu vun vén, xây dựng gia đình mà thậm chí còn nợ nần. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Hội đồng xét xử xét đến thực trạng cuộc sống chung vợ chồng, qua kết quả xác minh cho thấy cuộc sống chung giữa chị N và anh L xảy ra mâu thuẫn từ lâu. Trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh L không chịu tu chí làm ăn, chỉ lo chơi bời không có trách nhiệm gì với vợ con, không vun vén, xây dựng gia đình mà thậm chí còn nợ nần chồng chất. Anh L lại đi làm xa nhà, thường xuyên không có mặt ở nhà, từ đó khiến cho tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh L không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được. Từ nhận định trên thấy rằng, tình trạng hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung sống không có, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

Về con chung: Chị N và anh L có 02 con chung là Nguyễn Duy A, sinh ngày 27/9/2013 và Nguyễn Duy N, sinh ngày 06/12/2019. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Duy A, anh L nuôi cháu Nguyễn Duy N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Anh L cũng có nguyện vọng như chị N. Xét, chị N và anh L đều có thu nhập, có chỗ ở ổn định; cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 27/9/2013 có bản tự khai nêu ý kiến cháu muốn ở với mẹ, nên xét thấy cần giao cho anh L và chị N mỗi người nuôi một con là hợp lý; cần giao con Nguyễn Duy A, sinh ngày 27/9/2013 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con Nguyễn Duy N, sinh ngày 06/12/2019 cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về phí tổn nuôi con, do mỗi người nuôi một con nên trách nhiệm giữa bố mẹ với các con là như nhau, chưa cần đưa ra yêu cầu cấp dưỡng. Chị N và anh L có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, sự tự nguyện phù hợp pháp luật, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Kim N ly hôn với anh Nguyễn Duy L.

2. Về con chung:

+ Giao con Nguyễn Duy A, sinh ngày 27/9/2013 cho chị Nguyễn Thị Kim N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành hoặc có thay đổi khác.

+ Giao con Nguyễn Duy N, sinh ngày 06/12/2019 cho anh Nguyễn Duy L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành hoặc có thay đổi khác. Phí tổn nuôi con không đặt ra.

Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Duy L có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở và có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo luật định.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim N tự nguyện nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo Biên lai số 0004676 ngày 29/11/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Duy L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân

- TAND tỉnh HB;
- VKSND thành phố HB;
- VKSND tỉnh HB;
- Chi cục THADS thành phố HB;
- UBND xã M, TP HB;
- Dương sự;
- Lưu HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Lan

